UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 483 /UBND-NC V/v thực hiện Kế hoạch số 178/KH-UBND của UBND tỉnh về triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế	*Hưng Yên, ngày 16 tháng 3 năm 2017*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 1397
Ngày 13/3/2017

Kính gửi:
- Các sở, ban, ngành tỉnh; các Hội được giao biên chế;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh;
- Các Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/ 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 19/8/2015 và các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị đã xây dựng Đề án tinh giản biên chế trong 7 năm (2015-2021); một số cơ quan, đơn vị đã thực hiện việc tinh giản biên chế và giải quyết chế độ, chính sách cho các đối tượng tinh giản biên chế. Tuy nhiên, Đề án tinh giản biên chế của hầu hết các cơ quan, đơn vị chưa gắn với việc rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng thu gọn đầu mối, giảm bớt khâu trung gian, quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; chưa hoàn thiện Đề án vị trí việc làm; cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và tỷ lệ tinh giản biên chế đến năm 2021 chưa đạt được tối thiểu 10% số biên chế của đơn vị đã được giao năm 2015; các giải pháp chưa được thực hiện quyết liệt, đồng bộ.

(Chi tiết tại Biểu thống kê đính kèm).

Để thực hiện nghiêm chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tinh giản biên chế, bảo đảm tỷ lệ tinh giản biên chế đạt được mục tiêu đề ra, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị khẩn trương thực hiện một số nội dung sau:

1. Rà soát, hoàn thiện Đề án tinh giản biên chế trong 7 năm (2015-2021) của cơ quan, đơn vị; trong đó phải xác định cụ thể số biên chế hành chính, biên chế sự nghiệp phải cắt giảm của từng năm, ở từng vị trí việc làm cụ thể (bao gồm 50% số biên chế đã thực hiện tinh giản và 50% số biên chế đã giải quyết chế độ nghỉ hưu đúng tuổi hoặc thôi việc theo quy định) và phương án bố trí, sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị từ nay đến năm 2021; tổng hợp số biên chế hành chính, biên chế sự nghiệp cắt giảm của từng năm, từ nay đến năm 2021 *(theo biểu mẫu đính kèm)*, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) chậm nhất trước ngày 25/3/2017.

2. Từ nay đến năm 2021, mỗi năm phải thực hiện cắt giảm 2% số biên chế công chức, biên chế sự nghiệp đã được giao năm 2015. Những cơ quan, đơn vị năm 2016 chưa thực hiện cắt giảm biên chế so với số biên chế được giao năm 2015 thì năm 2017 phải thực hiện cắt giảm tối thiểu 4,5% số biên chế được giao năm 2015. Trường hợp đơn vị có số biên chế cắt giảm (gồm 50% số biên chế đã thực hiện tinh giản và 50% số biên chế đã giải quyết chế độ nghỉ hưu đúng tuổi hoặc thôi việc theo quy định) không đảm bảo tỷ lệ tinh giản tối thiểu 10% số biên chế được giao năm 2015, sẽ thực hiện cắt giảm 100% số biên chế đã thực hiện tinh giản và 100% số biên chế đã giải quyết chế độ nghỉ hưu đúng tuổi hoặc thôi việc theo quy định.

3. Thực hiện tinh giản biên chế đối với những cán bộ, công chức, viên chức không hoàn thành nhiệm vụ, không đạt tiêu chuẩn quy định (phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn, sức khỏe), những người dôi dư do xác định vị trí việc làm và sắp xếp tổ chức. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm, làm cơ sở cho việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

4. Định kỳ giải quyết tinh giản biên chế 02 lần/năm. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị phải xây dựng Kế hoạch tinh giản biên chế, lập danh sách đối tượng tinh giản biên chế và dự toán kinh phí thực hiện kèm theo hồ sơ của đối tượng tinh giản biên chế trên cơ sở Đề án tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính thẩm tra theo quy định.

5. Thực hiện nghiêm việc quản lý và sử dụng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp. Từ nay đến năm 2021, yêu cầu Giám đốc Sở Nội vụ và người đứng đầu các đơn vị không xem xét tiếp nhận, tuyển dụng công chức, viên chức và ký hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ khi Đề án tinh giản biên chế của đơn vị chưa được phê duyệt hoặc chưa xác định đủ số biên chế phải cắt giảm đảm bảo tỷ lệ tinh giản theo quy định.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nghiêm túc thực hiện các nội dung nêu trên và chịu trách nhiệm về việc thực hiện tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị mình; nếu không hoàn thành kế hoạch tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị sẽ bị xử lý trách nhiệm theo quy định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phóng

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVNC[NH].

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

THỐNG KÊ TỶ LỆ TINH GIẢN BIÊN CHẾ
THEO ĐỀ ÁN TINH GIẢN BIÊN CHẾ GIAI ĐOẠN 2015 -2021 CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Công văn số 483 /UBND-NC ngày 19/3 / 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Stt	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Biên chế được giao năm 2015	Số người phải tinh giản theo quy định đến năm 2021 tối thiểu 10%	Tỷ lệ tinh giản đến năm 2021 theo Đề án của các cơ quan, tổ chức, đơn vị	Trong đó, số người tinh giản từng năm theo Đề án của các cơ quan, tổ chức, đơn vị								Ghi chú
					Tổng số	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	
I	**CẤP TỈNH**	**8656**	**864**	**2,33%**	**202**	**3**	**13**	**20**	**28**	**38**	**41**	**59**	
1	**Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh**	**16**	**2**	**0,00%**	**0**								Đề án chưa xác định số người thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015
2	**Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**	**68**	**7**	**0,00%**	**0**								Đề án chưa xác định số người thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015
	Cán bộ, công chức	51	5	0,00%	0								
	Viên chức	17	2	0,00%	0								
3	**Sở Tài chính**	**48**	**5**	**8,33%**	**4**			**1**	**1**		**1**	**1**	Đề án chưa xác định đủ số người thực thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015
4	**Sở Kế hoạch và đầu tư**	**57**	**6**	**0,00%**	**0**								Đề án chưa xác định số người thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015
	Công chức	44	5	0,00%	0								
	Viên chức	13	1	0,00%	0								
5	**Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**	**417**	**42**	**0,00%**	**12**					**4**	**4**	**4**	Đề án chưa xác định đủ số người thực thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015; Chưa chia tách cụ thể số lượng tinh giản là công chức, viên chức
	Công chức	55	6	0,00%	0								
	Viên chức	362	36	0,00%	0								
6	**Sở Nông nghiệp & PTNT**	**385**	**39**	**10%**	**39**	**0**	**2**	**4**	**9**	**7**	**5**	**12**	
	Công chức	158	16	10%	16		1	1	2	4	3	5	
	Viên chức	227	23	10%	23		1	3	7	3	2	7	
7	**Sở Tài nguyên và Môi trường**	**140**	**14**	**0,00%**	**0**								Đề án chưa xác định số người thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015
	Công chức	54	5	0,00%	0								
	Viên chức	86	9	0,00%	0								
8	**Sở Giao thông vận tải**	**68**	**7**	**0,00%**	**0**								Đề án chưa xác định số người thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015
	Công chức	37	4	0,00%	0								
	Viên chức	31	3	0,00%	0								

Stt	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Biên chế được giao năm 2015	Số người phải tinh giản theo quy định đến năm 2021 tối thiểu 10%	Tỷ lệ tinh giản đến năm 2021 theo Đề án của các cơ quan, tổ chức, đơn vị	Trong đó, số người tinh giản từng năm theo Đề án của các cơ quan, tổ chức, đơn vị								Ghi chú
					Tổng số	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	
9	**Sở Công thương**	**108**	**11**	**0,00%**	**0**								Đề án chưa xác định số người thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015
	Công chức	96	10	0,00%	0								
	Viên chức	12	1	0,00%	0								
10	**Sở Xây dựng**	**45**	**5**	**0,00%**	**0**								Đề án chưa xác định số người thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015
	Công chức	35	4	0,00%	0								
	Viên chức	10	1	0,00%	0								
11	**Sở Y tế**	**4304**	**426**	**2,39%**	**103**		**4**	**7**	**10**	**24**	**27**	**31**	Đề án chưa xác định đủ số người thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015; Chưa chia tách cụ thể số lượng tinh giản là công chức, viên chức
	Công chức	66	6	0,00%	0								
	Viên chức	4238	420	0,00%	0								
12	**Sở Giáo dục và đào tạo**	**2001**	**200**	**1,00%**	**20**	**3**	**6**	**1**	**3**	**1**	**1**	**5**	Đề án chưa xác định đủ số người thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015; Chưa chia tách cụ thể số lượng tinh giản là công chức, viên chức
	Công chức	49	5	0,00%	0								
	Viên chức	1952	195	1,02%	20	3	6	1	3	1	1	5	
13	**Sở Văn hoá, Thể thao và du lịch**	**290**	**29**	**0,00%**	**0**								Đề án chưa xác định số người thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015
	Công chức	34	3	0,00%	0								
	Viên chức	256	26	0,00%	0								
14	**Sở Khoa học và công nghệ**	**57**	**6**	**5,26%**	**3**			**2**	**1**				Đề án chưa xác định đủ số người thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015; Chưa chia tách cụ thể số lượng tinh giản là công chức, viên chức
	Công chức	43	4	0,00%	0								
	Viên chức	14	2	0,00%	0								
15	**Sở Thông tin và truyền thông**	**36**	**3**	**2,78%**	**1**			**1**					Đề án chưa xác định đủ số người thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015; Chưa chia tách cụ thể số lượng tinh giản là công chức, viên chức
	Công chức	24	2	0,00%	0								
	Viên chức	12	1	0,00%	0								
16	**Sở Tư pháp**	**60**	**6**	**0,00%**	**0**								Đề án chưa xác định số người thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015
	Công chức	33	3	0,00%	0								
	Viên chức	27	3	0,00%	0								
17	**Thanh tra tỉnh**	**35**	**4**	**0,00%**	**0**								Đề án chưa xác định số người thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015
18	**Ban Quản lý Khu Đại học Phố Hiến**	**15**	**1**	**0,00%**	**0**								Đề án chưa xác định số người thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015

Stt	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Biên chế được giao năm 2015	Số người phải tinh giản theo quy định đến năm 2021 tối thiểu 10%	Tỷ lệ tinh giản đến năm 2021 theo Đề án của các cơ quan, tổ chức, đơn vị	Trong đó, số người tinh giản từng năm theo Đề án của các cơ quan, tổ chức, đơn vị								Ghi chú
					Tổng số	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	
19	Ban Quản lý các khu công nghiệp	25	3	8,00%	2				1			1	Đề án chưa xác định đủ số người thực thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015
20	Đài Phát thanh và truyền hình	96	10	9,00%	9			2	2	1	2	2	Đề án chưa xác định đủ số người thực thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015
21	Trường Cao đẳng Y tế	63	6	0,00%	0								Đề án chưa xác định số người thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015
22	Trường Cao đẳng sư phạm Hưng Yên	150	15	0,00%	0								Chưa nộp đề án
23	Trường Cao đẳng KT-KT Tô Hiệu	104	11	5,45%	6		1	1	1	1	1	1	Đề án chưa xác định đủ số người thực thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015
24	Quỹ Phát triển đất tỉnh	11	1	10,00%	1							1	
25	Hội Liên hiệp Khoa học kỹ thuật	7	1	0,00%	0								Chưa nộp đề án
26	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	12	1	0,00%	0								Đề án chưa xác định đủ số người thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015
27	Hội Đông y tỉnh Hưng Yên	7	1	10,00%	1							1	
28	Hội Nhà báo tỉnh	5		0,00%	0								Chưa nộp đề án
29	Hội Văn học nghệ thuật Hưng Yên	7	1	10,00%	1			1					
30	Hội Người mù tỉnh	3			0								
31	Hội Luật gia	3			0								
32	Hội Khuyến học	1			0								
33	Liên minh các hợp tác xã (Liên minh các HTX và Quỹ hỗ trợ PT HTX)	12	1		0								Chưa nộp đề án
II	CẤP HUYỆN	18293	1829	0,6674	1195	12	94	152	219	239	228	251	
1	UBND thành phố Hưng Yên	1810	181	9,94%	180	0	11	31	36	33	28	41	
	Công chức	90	9	8,88%	8			1	2	1	2	2	Đề án chưa xác định đủ số người thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015
	Cán bộ, công chức xã	351	35	10%	35		4	7	6	6	6	6	
	Viên chức	1369	137	10,00%	137		7	23	28	26	20	33	
2	Huyện Tiên Lữ	1660	166	10,37%	170		2	15	35	38	40	40	
	công chức	88	9		0								Đề án chưa chia tách cụ thể số lượng tinh giản là Cán bộ, công chức (xã), công chức

Stt	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Biên chế được giao năm 2015	Số người phải tinh giản theo quy định đến năm 2021 tối thiểu 10%	Tỷ lệ tinh giản đến năm 2021 theo Đề án của các cơ quan, tổ chức, đơn vị	Trong đó, số người tinh giản từng năm theo Đề án của các cơ quan, tổ chức, đơn vị								Ghi chú
					Tổng số	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	
	Cán bộ, công chức xã	310	31										giản là Cán bộ, công chức (xã), công chức, viên chức
	Viên chức	1262	126		0								
3	**Huyện Phù Cừ**	**1446**	**145**	**5,30%**	**76**		**4**	**6**	**10**	**15**	**18**	**23**	Đề án chưa xác định đủ số người thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015; Chưa chia tách cụ thể số lượng tinh giản là Cán bộ, công chức (xã), công chức, viên chức
	Công chức	86	9		0								
	Cán bộ, công chức xã	290	29		0								
	Viên chức	1070	107		0								
4	**Huyện Ân Thi**	**2194**	**219**	**3,40%**	**73**	**4**	**13**	**14**	**11**	**11**	**10**	**10**	Đề án chưa xác định đủ số người thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015; Chưa chia tách cụ thể số lượng tinh giản là Cán bộ, công chức (xã), công chức, viên chức
	Công chức	95	10		0								
	Cán bộ, công chức xã	432	43		0								
	Viên chức	1667	166		0								
5	**Huyện Kim Động**	**1745**	**175**	**8,30%**	**143**		**7**	**18**	**20**	**38**	**27**	**33**	Đề án chưa xác định đủ số người thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015; Chưa chia tách cụ thể số lượng tinh giản là Cán bộ, công chức (xã), công chức, viên chức
	Công chức	90	9		0								
	Cán bộ, công chức xã	356	36										
	Viên chức	1299	130		0								
6	**Huyện Khoái Châu**	**2696**	**269**	**8,39%**	**224**	**7**	**16**	**27**	**44**	**42**	**45**	**43**	Đề án chưa xác định đủ số người thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015; Chưa chia tách cụ thể số lượng tinh giản là Cán bộ, công chức (xã), công chức, viên chức
	Công chức	100	10	**10%**	**10**			2	3	2	2	1	
	Cán bộ, công chức (xã)	542	54	**2%**	**10**	7	3						
	Viên chức	2054	205	**10,10%**	**204**		13	25	41	40	43	42	
7	**Huyện Văn Giang**	**1578**	**158**	**0,40%**	**6**		**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	Đề án chưa xác định đủ số người thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015; Chưa chia tách cụ thể số lượng tinh giản là Cán bộ, công chức (xã), công chức, viên chức
	Cán bộ, công chức	82	8		0								
	Cán bộ, công chức (xã)	239	24										
	Viên chức	1257	126		0								
8	**Huyện Văn Lâm**	**1566**	**157**	**9,94%**	**155**		**2**	**13**	**35**	**35**	**35**	**35**	Đề án chưa xác định đủ số người thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015; Chưa chia tách cụ thể số lượng tinh giản là Cán bộ, công chức (xã), công chức, viên chức
	Cán bộ, công chức	82	8										
	Cán bộ công chức xã	246	25										
	Viên chức	1238	124										
9	**Huyện Mỹ Hào**	**1573**	**156**	**10,30%**	**159**	**1**	**29**	**27**	**27**	**26**	**24**	**25**	Đề án chưa chia tách cụ thể số lượng tinh giản là Cán bộ, công chức (xã), công chức, viên chức
	Công chức	85	9		0								
	Cán bộ công chức xã	276	27		0								

Stt	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Biên chế được giao năm 2015	Số người phải tinh giản theo quy định đến năm 2021 tối thiểu 10%	Tỷ lệ tinh giản đến năm 2021 theo Đề án của các cơ quan, tổ chức, đơn vị	Trong đó, số người tinh giản từng năm theo Đề án của các cơ quan, tổ chức, đơn vị							Ghi chú
					Tổng số	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	
	Viên chức	1212	121		0								
10	**Huyện Yên Mỹ**	2025	**203**	**0,40%**	**9**		**9**						Đề án chưa xác định đủ số người thực hiện tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015; Chưa chia tách cụ thể số lượng tinh giản là Cán bộ, công chức (xã), công chức, viên chức
	Công chức	91	9		0								
	Cán bộ công chức xã	362	36										
	Viên chức	1572	157		0								

Kèm theo Công văn số 48/UBND ngày 21/3/2017 của cơ quan, đơn vị.....

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Biên chế hành chính, biên chế sự nghiệp được giao năm 2015	Số biên chế hành chính, biên chế sự nghiệp thực hiện cắt giảm từ năm 2015 đến năm 2021, trong đó																	
			Tổng				2015		2016		2017		2018		2019		2020		2021	
			Công chức		Viên chức															
			Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Công chức	Viên chức	Công chức	Viên chức	Công chức	Viên chức	Công chức	Viên chức	Công chức	Viên chức	Công chức	Viên chức	Công chức	Viên chức
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
I	**Khối hành chính**																			
1	Cơ quan Sở, ban, ngành (cơ quan UBND huyện, TP)																			
2	Ban, chi cục trực thuộc sở, ban, ngành																			
II	**Khối đơn vị sự nghiệp**																			
1	Đơn vị A																			
2	Đơn vị B																			
...	...																			
	Tổng số																			

Ghi chú: Các đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo diễn giải rõ số người cắt giảm ở những vị trí nào, môn học nào.

Người lập biểu **Thủ trưởng đơn vị**